

BÀI 4. KHÁM PHÁ VẺ ĐẸP VĂN CHƯƠNG
Thời lượng (12T+1 tiết trả bài); Từ tiết 41- tiết 53

I. Mục tiêu

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Nhận biết và phân tích luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.
- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học; hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.
- Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, biết cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp; biết cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó, có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn văn bản của người khác.
- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

2. Phẩm chất

- Yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng sáng tạo nghệ thuật của nhà văn

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Tiết 41 GIỚI THIỆU BÀI, TRI THỨC NGỮ VĂN

I. Mục tiêu:

1. Năng lực:

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.
- Nhận biết được tri thức Ngữ văn

2. Phẩm chất:

- Tự giác, nghiêm túc trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Các mạch trong chủ đề		Thiết bị dạy học, học liệu	Chuẩn bị của học sinh
Độc	Nội dung 1: Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn	- SGK, SGV, phiếu học tập Máy tính, Tivi	Chuẩn bị theo câu hỏi yêu cầu của GV.

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

b. Tổ chức thực hiện:

Cách 1: GV tổ chức hoạt động Người khám phá văn chương

Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm gồm 4 – 5 HS. HS trong vai người khám phá, cùng đọc đoạn ngữ liệu sau đó thảo luận để tìm ra các từ khóa then chốt liên quan đến nội dung tác phẩm. Nhóm sẽ viết ra những từ khóa đã tìm, kết nối và giải thích cách các từ khóa này giúp HS hiểu sâu hơn về tác phẩm được nói đến.

...Trở về sau ba năm cách biệt, ngõ đâu vị thần hạnh phúc sẽ gõ cửa gia đình nàng. Thế nhưng, chính vì thói đa nghi và ghen tuông che mờ lí trí, Trương Sinh mù quáng tin vào những lời nói ngây thơ của bé Đản mà định ninh phán cho Vũ Nương cái danh “vợ hư”. Trương Sinh bỏ ngoài tai những lời khuyên can của mọi người và cũng chẳng thèm đếm xỉa tới lời biện bạch của nàng. Rồi từ chỗ “la um lên cho hả giận”, chàng đã nhẫn tâm mắng nhiếc và đánh đuổi vợ đi. Phải chăng xã hội phong kiến với chế độ nam quyền độc đoán, bất công và tàn bạo, với thói “trọng nam khinh nữ” bám chặt vào huyết quản đã dung túng cho phép người người đàn ông được quyền coi thường, rẻ rúng, mặc nhiên định đoạt thậm chí giẫm đạp lên quyền sinh, quyền tử và phẩm giá cao quý của người vợ. Vũ Nương đức hạnh, ngoan hiền vậy mà lại phải mang bản án ô nhục, nhục nhã “hư thân mất nết”. Thuở xưa, nàng Thị Kính còn biết ngọn nguồn nỗi oan khuất của mình. Còn Vũ Nương, đến khi gieo mình xuống đáy sông nàng vẫn chẳng hiểu vì sao lại bị người từng đầu ấp tay gối với mình mắng nhiếc và đánh đuổi đi. Nỗi oan của nàng thấu tận trời xanh vậy mà nàng cũng chẳng được quyền phản kháng, bảo vệ chính mình...

→ Từ khóa tìm thấy: “bị kịch”, “nguyên nhân”, “xã hội phong kiến”, “niềm tin”, “gia đình”, “nhân đạo”...

- "Bị kịch": Vũ Nương phải chịu sự oan khuất lớn, dẫn đến cái chết oan nghiệt, thể hiện bị kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

- "Nguyên nhân": Sự đa nghi, ghen tuông, thiếu niềm tin của Trương Sinh là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của Vũ Nương, phản ánh những mâu thuẫn gia đình trong xã hội xưa.
- "Xã hội phong kiến": Câu chuyện cho thấy sự bất công mà người phụ nữ phải chịu trong xã hội phong kiến, nơi mà số phận của họ thường bị đặt dưới chế độ nam quyền độc đoán, bất công
- "Niềm tin": Sự thiếu lòng tin giữa vợ chồng trong tác phẩm là một nguyên nhân chính dẫn đến bi kịch, đặt ra câu hỏi về niềm tin trong hôn nhân.
- "Gia đình": Bi kịch của Vũ Nương cũng là bi kịch của một gia đình bị tan vỡ bởi những hiểu lầm và nghi ngờ.
- "Nhân đạo": Tác phẩm thể hiện sâu sắc giá trị nhân đạo khi Nguyễn Dữ bày tỏ sự cảm thông với số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Cách 2: Em đã đọc văn bản nghiên cứu, phê bình văn học nào? Văn bản đó giúp em nhận ra điều gì? Theo em, việc khám phá vẻ đẹp văn chương có ý nghĩa gì?

- *GV dẫn dắt vào bài mới: Tác phẩm văn học là thế giới của cái đẹp, vậy gọi người đọc khám phá. Cái đẹp đó thường được thể hiện kín đáo trong ngôn từ, hình tượng, trong các thủ pháp nghệ thuật, ... Để chạm tới được vẻ đẹp của văn chương, người đọc có thể tiếp cận bằng những con đường khác nhau, sử dụng những cách thức khác nhau. Để hiểu rõ hơn, cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu kĩ chủ đề này nhé!*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: + Chủ đề của bài học là gì? + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì? + Phần Giới thiệu bài học còn cho biết ở chủ đề này các em làm quen với thể loại văn bản nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC 1. Chủ đề Khám phá vẻ đẹp văn chương 2. Thể loại - “ <i>Người con gái Nam Xương</i> ” – một bi kịch của con người (Nguyễn Đăng Na) → Nghị luận văn học - Từ “ <i>Thằng quý nhỏ</i> ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi. (Trần Văn Toàn) → Nghị luận văn học
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	

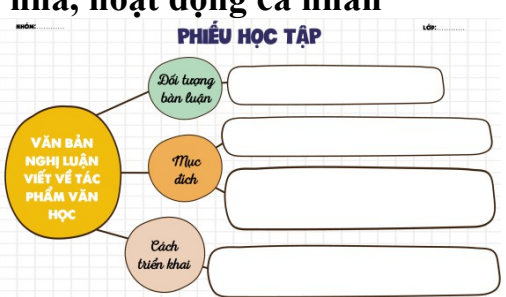
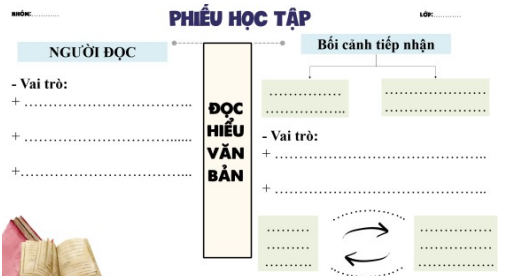
- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh	- <i>Ngày xưa</i> (Vũ Cao) → Thơ lục bát
---	--

Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được tri thức về

- Văn bản nghị luận viết về tác phẩm văn học
- Vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu văn bản

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu HS đọc SGK và tìm hiểu về tri thức ngữ văn GV tổ chức Hoạt động BÁO CÁO SẢN PHẨM, GV đã yêu cầu trước ở nhà, hoạt động cá nhân  GV tổ chức hoạt động nhóm bàn, yêu cầu HS hoàn thành PHT  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc sách, suy nghĩ, tìm hiểu nội dung kiến thức và báo cáo sản phẩm nhóm	II. TRI THỨC NGỮ VĂN 1. Văn bản nghị luận viết về tác phẩm văn học - Đối tượng bàn luận: tác phẩm văn học - Mục đích + làm sáng tỏ các phương diện nội dung và hình thức của tác phẩm + thể hiện quan điểm, thái độ, cách đánh giá và kiến giải của người viết về tác phẩm - Cách triển khai: theo một hệ thống luận điểm rõ ràng, mạch lạc, dựa trên lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. Lưu ý: không nhất thiết phải bàn luận một cách toàn diện về tác phẩm mà có thể đi sâu vào một hoặc một số khía cạnh nổi bật của tác phẩm. 2. Vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu văn bản * NGƯỜI ĐỌC - Vai trò: + góp phần làm phong phú thêm ý nghĩa của tác phẩm văn học + tạo nên lịch sử tiếp nhận tác phẩm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo sản phẩm, trả lời câu hỏi Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.	+ tác động trở lại đối với hoạt động sáng tạo của nhà văn. * Bối cảnh tiếp nhận - Bối cảnh thời đại, xã hội - Hoàn cảnh riêng của mỗi cá nhân - Vai trò: + chi phối hoạt động tiếp nhận tác phẩm văn học + góp phần vào việc định hướng giá trị, trình độ tiếp nhận của người đọc. -. Bối cảnh tiếp nhận có vai trò quan trọng, chi phối hoạt động tiếp nhận tác phẩm văn học. Hoàn cảnh riêng của cá nhân cũng chi phối sự tiếp nhận của người đọc, trong đó, hoàn cảnh sống, học tập của cá nhân và cả hoàn cảnh cụ thể tại thời điểm đọc đều ảnh hưởng đến tâm thế tiếp nhận.
---	---

3. Hoạt động 3. Luyện tập (10')

a. Mục tiêu: củng cố nắm chắc kiến thức

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ:

- **Đối tượng bàn luận**, mục đích của văn bản nghị luận

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3. HS trình bày, nhận xét

Bước 4. GV nhận xét, chốt KT

4. Hoạt động 4. Vận dụng (5')

a. Mục tiêu: củng cố nắm chắc kiến thức

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ: Kể tên những bài văn nghị luận văn học mà em yêu thích

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3. HS trình bày, nhận xét:

Bước 4. GV nhận xét, chốt KT.

- **HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:**

+ Soạn bài ; **Người con gái Nam Xương- một bi kịch của con người**

Tiết.42-43 : Văn bản 1

Người con gái Nam Xương- một bi kịch của con người

- Nguyễn Đăng Na -

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- HS nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, hiểu được cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng để VB có sức thuyết phục.
- HS nhận biết được nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả, từ đó rút ra được những bài học hữu ích trong việc tạo lập văn bản nghị luận văn học.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng sáng tạo nghệ thuật của nhà văn

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu: Phiếu học tập

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

b. Tổ chức thực hiện:

Cách 1: GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Kể tên một vài tác phẩm văn học Việt Nam viết về số phận bi kịch của con người

Cách 2: GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Trong bài 1, em đã được học tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”. Hãy chia sẻ cảm nhận về một chi tiết mà em ấn tượng nhất trong tác phẩm.

→ Số phận bi kịch của con người là nguồn cảm hứng lớn trong văn học, bởi nhà văn với trái tim luôn trăn trở trước tình đời, tình người dễ xúc động trước những bi kịch của nhân sinh. “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ có nhiều chi tiết đặc sắc khi thể hiện bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến và đến nay, nỗi oan khuất của nàng vẫn làm xúc động lòng người và vẻ đẹp của tác phẩm vẫn “vẫy gọi” người đọc khám phá.

→ **GV dẫn dắt vào bài học:** Số phận bi kịch của con người là nguồn cảm hứng lớn trong văn học, bởi nhà văn với trái tim luôn trăn trở trước tình đời, tình người dễ xúc động trước những bi kịch của nhân sinh. “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ có nhiều chi tiết đặc sắc khi thể hiện bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến và đến nay, nỗi oan khuất của nàng vẫn làm xúc động lòng người và vẻ đẹp của tác phẩm vẫn “vẫy gọi” người đọc khám phá. Trong buổi học ngày hôm nay, cô trò chúng ta cùng đi khám phá, tìm hiểu kĩ hơn về nhân vật Vũ Nương, về con người, cuộc sống bi kịch của nàng qua văn bản “Người con gái Nam Xương- một bi kịch của con người!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Phần I. Đọc- Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và nắm được một số thông tin chính về tác giả, tác phẩm

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv hướng dẫn học sinh đọc văn bản - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Em hãy trình bày những nét khái quát nhất về tác giả, tác phẩm Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	I. Tìm hiểu chung 1. Đọc - Đọc to, rõ ràng - Lưu ý các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản để không bỏ qua các thông tin quan trọng về quan điểm, ý kiến đánh giá của tác giả bài viết. 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả - Nguyễn Đăng Na (1942 – 2014) - Quê: Đồng Tháp - Là nhà nghiên cứu, phê bình văn học. - Một số công trình tiêu biểu: <i>Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại</i> (tập I, 1997; tập II, 2001), <i>Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam</i> (2006),... b. Tác phẩm - Xuất xứ: : <i>Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, 2007 - Thể loại: Văn bản nghị luận (về một tác phẩm văn học) - PTBD chính: Nghị luận

Phần II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được

- Luận đề, bố cục và cách tổ chức luận điểm
- Cách đặt vấn đề của tác giả
- Quan điểm tiếp nhận của tác giả về nội dung của tác phẩm
- Cách kết thúc vấn đề của tác giả
- Quan điểm tiếp nhận của tác giả về nghệ thuật của tác phẩm
- Cách lựa chọn, sử dụng lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

<

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức KỸ THUẬT CÔNG ĐOẠN - Gv chia lớp thành 3 nhóm - Nhóm 1: pht số 1 - Nhóm 2: pht số 2 - Nhóm 3: pht số 3 - Sau khi các nhóm thảo luận và hoàn thành PHT, các nhóm sẽ luân chuyển PHT cho nhau (nhóm 1 chuyển nhóm 2, nhóm 2 chuyển nhóm 3, nhóm 3 chuyển cho nhóm 1) - Các nhóm đọc và ghi ý kiến bổ sung cho nhóm bạn. Sau đó lại tiếp tục luân chuyển kết quả cho nhóm tiếp theo và tiếp nhận kết quả từ một nhóm khác để góp ý. - Cứ như vậy cho đến khi các nhóm đã nhận lại được PHT của nhóm mình cùng với ý kiến nhận xét của các nhóm khác. Các nhóm sẽ xem và xử lý ý kiến của các nhóm bạn để hoàn thành kết quả của nhóm mình - Từng nhóm lên báo cáo sản phẩm	3. Quan điểm tiếp nhận của tác giả về nội dung của tác phẩm a. Nhận diện bi kịch (Luận điểm 2) Lí lẽ: + Vũ Nương xinh đẹp, chu toàn, có nhiều phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ yên bề nghi gia nghi thất, lẽ ra nàng phải được hạnh phúc (ý của đoạn “Cuộc đời Vũ Nương tuy ngắn ngủi...làm vợ, làm mẹ!”). + Nhưng cuộc đời oái oăm đã khiến nàng rơi vào bi kịch: “Ngày sum họp cùng chồng, cũng là ngày nàng phải vĩnh viễn lìa xa tổ ấm. Và đau đớn hơn, kẻ đẩy nàng vào cái chết bi thảm không phải ai xa lạ, mà chính là người chồng nàng hằng “ba năm giữ gìn một tiết” đợi chờ và đưa con trai duy nhất mà nàng suốt ba năm nâng niu bú mớm”. - Bằng chứng: + Những trích dẫn trực tiếp từ tác phẩm được đặt trong dấu ngoặc kép. + Trích ý gián tiếp từ tác phẩm không được đặt trong dấu ngoặc kép (Đoạn bằng chứng: “Đứa trẻ thì ngây thơ, chỉ kể lại những điều mà đêm đêm mẹ thường dạy khi cha vắng nhà...hàm hồ và mù quáng”). b. Lí giải bi kịch (Luận điểm 3)
--	---

- Nguyên nhân khiến Vũ Nương gieo mình xuống sông tự tử:

- + Do Trương Sinh ghen tuông mù quáng, nàng không có cách nào chứng minh sự trong sạch của bản thân, do đó gieo mình xuống sông để bày tỏ tấm lòng trong trắng.
- + Do nàng không thực sự hiểu tâm lí chồng để tránh đi những ngờ vực, ghen tuông không đáng có.

- Nhận xét về cách lí giải

- + Căn cứ trên các tình tiết trong văn bản để suy luận, lí giải.
- + Suy luận một cách hết sức logic diễn biến tâm lí của nhân vật Trương Sinh, từ đó cắt nghĩa cách hành xử của chàng.
- + Dựa trên sự suy luận tỉ mỉ về tâm lí của nhân vật

➔ Người viết đã thực sự nhập thân, thấu hiểu thế giới nội tâm nhân vật; nhìn nhận nguyên nhân gây nên kết cục bi kịch của Vũ Nương từ hai phía: cả phía người chồng và người vợ, khách quan và chủ quan.

➔ **Cách lí giải toàn diện, không phiến diện, một chiều.**

c. Hóa giải bi kịch (Luận điểm 4)

- Nét đặc sắc của truyện truyền kì Nguyễn Dữ là sự dung hòa giữa yếu tố hiện thực và yếu tố kì ảo, giữa đời thực và ước mơ.
- + Yếu tố kì ảo giúp Vũ Nương được minh oan, hội ngộ với Trương Sinh dù chỉ trong chốc lát
- + Yếu tố hiện thực lại khiến cho sự đoàn tụ chỉ diễn ra trong khoảnh khắc, còn chia li mới là vĩnh viễn.
- Khái quát vấn đề: bi kịch của Vũ Nương không chỉ là bi kịch của cá nhân nàng, mà còn là bi kịch của con người, bi kịch của gia đình: “đứa trẻ mồ côi, người chồng cô đơn, người vợ bị chết”.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS chia nhóm và hoàn thành PHT - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá.	- Nhan đề bài nghị luận: “Người con gái Nam Xương” là bi kịch của con người nói chung chứ không giới hạn ở một số phận cụ thể. → Cho thấy ý nghĩa phổ quát của tác phẩm.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Phần (5) có vai trò gì trong bài nghị luận? Câu văn nào giúp em xác định được vai trò ấy? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá.	4. Cách kết thúc vấn đề của tác giả → Kết thúc vấn đề, khái quát và nâng cao các ý đã phân tích trong bài, khẳng định sức sống của tác phẩm “Người con gái Nam Xương”.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Nêu chủ đề tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” và trình bày suy nghĩa của em về chủ đề đó. - GV tổ chức Hoạt động THINK – PAIR- SHARE: Đọc phần (3) và phần (5), cho biết tác giả đã làm nổi bật nét độc đáo trong truyện truyền kì của Nguyễn Dữ bằng cách nào. Những câu văn nào giúp em hiểu rõ về nét độc đáo đó? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	5. Quan điểm tiếp nhận của tác giả về nghệ thuật của tác phẩm - Nét độc đáo của truyện truyền kì Nguyễn Dữ + Nghệ thuật sáng tạo chi tiết để đẩy câu chuyện đến đỉnh điểm trong tương quan so sánh với các truyện truyền kì khác của Việt Nam và của các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc,... + Câu văn: “Lấy hình tượng cái bóng người ... Nhật Bản, Hàn Quốc,...” + Nghệ thuật xây dựng hình tượng người phụ nữ trong tương quan so sánh với các truyện khác thuộc thể truyền kì

- HS chia nhóm, suy nghĩ và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá.	+ Câu văn: “Có thể nói, người phụ nữ trong thể truyền kì”.
- GV tổ chức THẢO LUẬN NHANH: Một số chi tiết và nhân vật trong tác phẩm “Người con gái Nam Xương” không được tác giả bài nghị luận phân tích, chẳng hạn như chi tiết người mẹ dặn dò trước khi Trương Sinh ra trận, các nhân vật Linh Phi, Phan Lang,... Từ đó, em có suy nghĩ gì về việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá.	6. Cách lựa chọn, sử dụng lí lẽ, bằng chứng trong văn bản - Lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học cần hướng vào trọng tâm vấn đề được chọn. - Người viết không cần phân tích tất cả chi tiết hay nhân vật có trong văn bản, lựa chọn chi tiết hay nhân vật nào phụ thuộc vào luận đề và dung lượng của bài nghị luận.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng rõ ràng, mạch lạc, giúp làm sáng tỏ vấn đề. - Lí lẽ và bằng chứng trong văn bản hướng vào trọng tâm vấn đề, phân tích một cách chọn lọc. 2. Nội dung Văn bản thể hiện quan điểm của tác giả Trần Đăng Na về nội dung và đặc sắc nghệ thuật, sức hấp dẫn của tác phẩm “Người con gái Nam Xương” (Nguyễn Dữ)

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	
---	--

Hoạt động 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

b. **Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức trò chơi CÂU CÁ CÙNG TOM & JERRY

1. Tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* thuộc thể loại gì?

→ Truyền kì.

2. Vấn đề chính mà tác giả bàn luận về *Chuyện người con gái Nam Xương* là gì?

→ Bi kịch của Vũ Nương.

3. Vì sao tác giả cho rằng “bi kịch của Vũ Thị Thiết một phần là do nàng”?

→ Vì mặc dù nàng biết chồng vốn có tính đa nghi, phòng ngừa quá sức với vợ mà vẫn trở bóng mình vào ban đêm và nói với con đây là cha nó.

4. Nét tính cách nào của nhân vật Trương Sinh được tác giả tập trung phân tích?

→ Ghen tuông

5. Vì sao tác giả cho rằng *Chuyện người con gái Nam Xương* vẫn còn sức hấp dẫn cho đến ngày nay?

→ Vì tác phẩm đã đề cập đến bi kịch muôn thuở của con người với hình tượng nhân vật Vũ Nương gắn với những người bà, người mẹ trong đời thực.

6. Nhân tố nào là không thể thiếu đối với hoạt động đọc hiểu văn bản?

→ Người đọc.

7. Bối cảnh tiếp nhận có vai trò như thế nào đối với hoạt động đọc hiểu văn bản?

→ Ảnh hưởng đến định hướng giá trị, trình độ tiếp nhận của người đọc.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. **Tổ chức thực hiện:** GV tổ chức hoạt động **Viết kết nối với đọc:** Em có đồng tình với những phân tích của tác giả bài viết “*Người con gái Nam Xương*” – một bi kịch của con người về chi tiết chiếc bóng trên vách không? Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) để trả lời câu hỏi trên.

Gợi ý viết đoạn văn bằng cách trả lời các câu hỏi:

- “Nhà phê bình Nguyễn Đăng Na đã phân tích chi tiết chiếc bóng trên vách như thế nào”

- “Em có đồng tình với những phân tích đó không?”, “Những suy luận của tác giả về mối quan hệ giữa hình với bóng, những liên tưởng về sự quán quýt giữa hình với bóng và sự quán quýt giữa vợ với chồng có hợp lí không? Ngoài những ý nghĩa của chi tiết được tác giả nêu lên trong quá trình phân tích, em còn phát hiện thêm ý nghĩa nào khác”.

- Phân tích của tác giả Nguyễn Đăng Na có bám sát văn bản không?...

TIẾT: 44 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- HS nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.
- HS biết sử dụng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, trong đó có việc dùng dấu câu phù hợp.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức hoạt động PHỎNG VIÊN HỌC ĐƯỜNG- Chủ đề: Khám phá những ước mơ lớn

- GV chia lớp thành 4 nhóm nhỏ, mỗi nhóm sẽ tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên (người phỏng vấn, người trả lời, người ghi chép, người được phỏng vấn.....)
- HS tiến hành phỏng vấn, ghi chép (3 phút) với chủ đề: “Khám phá những ước mơ lớn.”

Sau khi hoàn thành, các nhóm sẽ trình bày lại cuộc phỏng vấn trước lớp bằng cách thuật lại nội dung của cuộc phỏng vấn.

Ví dụ:

Trực tiếp

- Chào Minh, mình rất vui được trò chuyện cùng bạn hôm nay. Mình biết bạn có một ước mơ rất lớn, bạn có thể chia sẻ về nó được không?
- Mình ước mơ trở thành một nhà thiết kế thời trang nổi tiếng. Mình thích sáng tạo những bộ trang phục độc đáo và mang đến niềm vui cho mọi người.

Gián tiếp

- Tôi vừa có một cuộc phỏng vấn với bạn Minh. Bạn Minh bày tỏ ước mơ trở thành

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

một nhà thiết kế thời trang nổi tiếng. Bạn ấy thích sáng tạo những bộ trang phục độc đáo và mang đến niềm vui cho mọi người.

- **GV dẫn dắt vào bài học mới:** Tại sao cùng truyền tải một thông tin đến với người đọc, người nghe, nhưng một ví dụ lại là trực tiếp, 1 ví dụ lại là gián tiếp. Hai cách dẫn dắt, truyền tải đó có gì khác nhau, cách nhận diện cách dẫn đó là gì, cụ thể như thế nào, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học ngày hôm nay nhé!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. **Mục tiêu:** HS tìm hiểu kiến thức về cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

b. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS phân biệt cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp qua khái niệm và dấu hiệu nhận biết. - GV hướng dẫn HS phân tích ví dụ minh họa - GV hướng dẫn HS cách Chuyển đổi từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Hình thành kiến thức 1. Khái niệm a. Cách dẫn trực tiếp * Khái niệm - Sử dụng nguyên văn từ ngữ, câu, đoạn,... của một văn bản gốc vào bài viết, bài nói. * Dấu hiệu nhận biết - Khi viết: được đặt trong dấu ngoặc kép sau dấu hai chấm. - Khi nói giữ nguyên ngôi xưng hô. b. Cách dẫn gián tiếp * Khái niệm - Sử dụng ý tưởng của người khác và diễn đạt lại theo cách của mình * Dấu hiệu nhận biết - Khi viết: không đặt trong dấu ngoặc kép. - Khi nói ngôi xưng hô có sự thay đổi. - Thường đi kèm các từ “rằng”, “là” Ví dụ 1: <i>Hoài Thanh nói rõ quan niệm của ông về phê bình: “Điều tôi ngại nhất là mang tên nhà phê bình. Hai chữ phê bình sao nghe nó khó chịu quá”.</i> (Đỗ Đức Hiểu, 14 tháng Bảy 1979 và “Thi nhân Việt Nam”) → Cách dẫn trực tiếp, đánh dấu phần dẫn bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. Ví dụ 2: <i>M.Go-rơ-ki đã kể chuyện ông đọc nhiều như thế nào trước khi thành nhà văn lớn. Muốn học giỏi văn phải bắt đầu bằng đọc văn.</i> (Trần Đình Sử, Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa) → Bộ phận in đậm là phần dẫn gián tiếp lời kể của nhà văn M.Go-rơ-ki, phần dẫn này không được đặt trong dấu ngoặc kép. 2. Chuyển đổi từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp Ví dụ: <i>Hoài Thanh nói rõ quan niệm của ông về phê bình: “Điều tôi ngại nhất là mang tên nhà phê bình. Hai chữ phê bình sao nghe nó khó chịu quá”.</i>
--	--

- HS hoàn thành bài tập, thảo luận, báo cáo sản phẩm nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	b. <i>Thủ lĩnh da đỏ Xi-át-ton đã khẳng định rằng, đối với đồng bào của ông, mỗi tác đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi bờ cát, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào ông.</i> c. Trong “<i>Thi nhân Việt Nam</i>”, Hoài Thanh đã bộc lộ thành thực tâm trạng của ông, đó là dẫu có ưa thơ người này người khác, mỗi lúc buồn đến, ông lại trở về với Lưu Trọng Lư. Có những bài thơ cứ vương vấn trong trí ông hàng tháng, lúc nào cũng văng vẳng bên tai. Bởi vì đối với ông, thơ của Lưu Trọng Lư nhiều bài không phải là thơ, nghĩa là những công trình nghệ thuật, mà chính là tiếng lòng thổn thức cùng hòa theo tiếng thổn thức trong lòng mỗi người. Bài tập 3 Nguyễn Đăng Na đã bày tỏ quan điểm của mình rằng: “Cái tài của Nguyễn Dữ là ông đã dung hòa được hiện thực với ước mơ, giữa cái tồn tại với cái ảo ảnh”. Thật vậy, Nguyễn Dữ đã sử dụng nhiều chi tiết kỳ ảo để thể hiện ước mơ của mình về một xã hội công bằng, nơi con người tốt đẹp được đền đáp. Tuy nhiên, tác giả cũng không tô hồng thực tế, mà vẫn thể hiện những bất công, oan khuất mà con người phải chịu đựng. Sự dung hòa giữa hiện thực và ước mơ, giữa cái tồn tại và cái ảo ảnh tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm của Nguyễn Dữ. Qua đó, tác giả thể hiện niềm tin vào những giá trị tốt đẹp của con người và gửi gắm thông điệp về một xã hội công bằng, tốt đẹp. → Cách dẫn trực tiếp, đánh dấu phần dẫn bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.
---	---

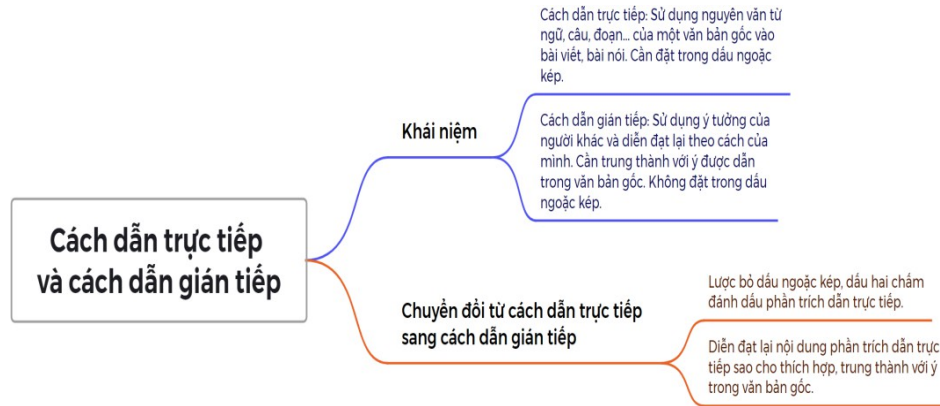
Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

GV nêu yêu cầu: Vẽ sơ đồ tư duy khái quát nội dung kiến thức bài học

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9



- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Tiết. 45,46.: Văn bản 2

Từ thăng quỹ nhỏ của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi

- Trần Văn Toàn -

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- HS xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; hiểu được cách tác giả huy động, tổ chức lí lẽ, bằng chứng để chứng minh cho luận điểm.
- HS yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất: Yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng sáng tạo nghệ thuật của nhà

văn

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Hình ảnh, phiếu học tập, trò chơi liên quan đến nội dung bài học.

GV: ĐINH THỊ THU HƯƠNG

TRƯỜNG THCS YÊN NHÂN

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

b. **Tổ chức thực hiện:**

GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Em đã đọc tác phẩm văn học nào viết về những con người có ngoại hình khác lạ? Chia sẻ ngắn gọn cảm nhận của em về tác phẩm ấy.

→ **GV dẫn dắt vào bài học:** *Sinh ra với một ngoại hình khác biệt, kì dị là điều không ai mong muốn, không ai biết trước và không ai có thể tự lựa chọn. Các nhân vật mà các em vừa đề cập đến cũng vậy. Hôm nay, cô muốn mang đến cho cả lớp một nhân vật cũng có vẻ ngoài khác lạ như vậy, nhân vật đó tên Quỳnh. Những điểm khác biệt kì lạ mà Quỳnh mang trong mình là gì, chúng ta cùng khám phá luôn bài học ngày hôm nay nha!*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Phần I. Đọc- Tìm hiểu chung

a. **Mục tiêu:** Đọc văn bản và nắm được thông tin cơ bản về tác phẩm

b. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV gọi HS đọc văn bản và giải nghĩa 1 số từ khó GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Em hãy trình bày hiểu biết của em về tác giả Trần Văn Toàn + Tác phẩm được xuất xứ từ đâu?	I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Đọc, chú thích a. Đọc - Đọc to, rõ ràng - Chú ý các thẻ chỉ dẫn <i>theo dõi, chú ý, suy luận</i> b. Chú thích

+ Xác định thể loại và PTBD chính của văn bản. GV cho HS xem video tóm tắt tác phẩm Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	- Nhân dạng: những đặc điểm bề ngoài như dáng người, nước da, khuôn mặt,...khiến nhìn thấy có thể nhận ra một người, phân biệt với những người khác. 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả - Trần Văn Toàn sinh năm 1973 - Quê: Nam Định - Là giảng viên, nhà nghiên cứu, phê bình văn học. - Một số công trình tiêu biểu: <i>Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945</i> (viết chung, 2016), <i>Lược sử văn học Việt Nam</i> (viết chung, 2022),... b. Tác phẩm - Xuất xứ: Theo Trần Văn Toàn, <i>Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi</i>, in trong <i>Nguyễn Nhật Ánh – Hiệp sĩ của tuổi thơ</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015, tr.146-159 - Thể loại: Văn bản nghị luận (về một tác phẩm văn học) - PTBD chính: Nghị luận
---	--

Phần II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được

- Luận đề và hệ thống luận điểm trong văn bản
- Hệ thống lí lẽ và bằng chứng trong văn bản
- Nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Văn bản bàn luận về vấn đề gì? Theo em, phạm vi của vấn đề bàn luận trong văn bản này có gì khác với văn bản “<i>Người con gái Nam Xương</i>” – một bi kịch của con người?	II. Khám phá văn bản 1. Luận đề và hệ thống luận điểm trong văn bản a. Luận đề: Thông qua tác phẩm “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh, suy ngẫm về những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi.

Gợi ý: So sánh phạm vi nghị luận - Văn bản: Từ “<i>Thằng quỷ nhỏ</i>” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi. (Trần Văn Toàn) Phân tích truyện dài “Thằng quỷ nhỏ” như một điểm tựa, từ đó bàn luận và đặt ra vấn đề rộng hơn là những phẩm chất cần có đối với một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi nói chung. Những thành công của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh thể hiện trong tác phẩm “Thằng quỷ nhỏ” đã khơi gợi cho tác giả bài nghị luận suy ngẫm về vấn đề rộng hơn tác phẩm mà ông phân tích. - Văn bản: “<i>Người con gái Nam Xương</i>” – một bi kịch của con người (Nguyễn Đăng Na) Chủ yếu bàn luận, phân tích về vấn đề bi kịch của con người trong tác phẩm “Người con gái Nam Xương” Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá.	→ Phạm vi của vấn đề bàn luận trong văn bản này rộng hơn văn bản “<i>Người con gái Nam Xương</i>” – một bi kịch của con người (Nguyễn Đăng Na) b. Hệ thống luận điểm - Luận điểm 1: Nhân dạng khác biệt của Quỳnh và thái độ của mọi người đối với nhân dạng ấy. → Sự thể hiện vấn đề nhân dạng con người trong một tác phẩm văn học cụ thể - Luận điểm 2: Nhân dạng con người là một tạo tác mang tính văn hóa. → Sử dụng các tri thức về nhân học văn hóa để lí giải vấn đề nhân dạng con người, từ đó soi tỏ trở lại để cắt nghĩa, đem đến cái nhìn mới về vấn đề nhân dạng trong các tác phẩm văn học. - Luận điểm 3: Những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi. → Đề xuất những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi → Các luận điểm sắp xếp theo trình tự từ cụ thể đến khái quát → Tổng kết lại mối quan hệ giữa các luận điểm: Trên cơ sở nhận diện (luận điểm 1) và lí giải (luận điểm 2), tác giả đề xuất luận điểm 3
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia nhóm và yêu cầu HS hoàn thành PHT Nhóm 1: Tìm hiểu luận điểm 1	2. Hệ thống lí lẽ và bằng chứng trong văn bản a. Luận điểm 1: Nhân dạng khác biệt của Quỳnh và thái độ của mọi người đối với nhân dạng ấy.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

Phiếu học tập

Đọc phần (1) và cho biết tác giả bài nghị luận đã dùng những từ ngữ, bằng chứng nào để phân tích nhân dạng của Quỳnh và thái độ của các nhân vật khác đối với nhân dạng ấy. Em có nhận xét gì về các từ ngữ và bằng chứng được tác giả sử dụng?

Phân tích nhân dạng của Quỳnh

Lưu ý: Bảng chứng

Nhân vật

Nhóm 2: Tìm hiểu luận điểm 2

PHIẾU HỌC TẬP

Đọc phần (2) và cho biết tác giả có quan điểm như thế nào về nhân dạng của con người. Em hãy dẫn ra một số từ ngữ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản giúp em nhận ra điều đó?

QUAN ĐIỂM CỦA TÁC GIẢ VỀ NHÂN DẠNG CỦA CON NGƯỜI

Lưu ý: Bảng chứng

Nhân vật

PHIẾU HỌC TẬP

Trong phần (2), tác giả đã lí giải như thế nào về cách ứng xử của chúng ta trước một nhân dạng đặc biệt? Hãy liên tưởng đến truyện cổ tích trong đoạn cuối của phần này có tác dụng gì?

LÍ GIẢI CỦA TÁC GIẢ VỀ CÁCH ỨNG XỬ CỦA CHÚNG TA TRƯỚC MỘT NHÂN DẠNG ĐẶC BIỆT

TÁC DỤNG CỦA VIỆC LIÊN TƯỢNG ĐẾN TRUYỆN CỔ TÍCH TRONG ĐOẠN CUỐI

Nhóm 3: Tìm hiểu luận điểm 3

PHIẾU HỌC TẬP

Trong phần (3), theo tác giả, một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi cần có những phẩm chất gì? Những câu văn nào giúp em nhận ra điều đó?

Quan điểm của tác giả về những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi

Câu văn giúp nhận ra quan điểm của tác giả

PHIẾU HỌC TẬP

Trong đoạn cuối của bài nghị luận, tác giả cho rằng: "phải viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và tinh tế". Em có suy nghĩ gì về quan điểm này?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS lắng nghe, hoàn thành nhiệm vụ nhóm

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá.

Phân tích nhân dạng của Quỳnh

Lí lẽ

- Chữ “quỷ” trong nhan đề tác phẩm được sử dụng để chỉ sự kì dị trong nhân dạng.

- Những nét kì dị gắn với gương mặt của nhân vật nên trở thành khiếm khuyết không thể che giấu, trở thành dấu hiệu thường trực để nhận biết nhân vật.

- Nhân dạng tuy chỉ là bề ngoài nhưng lại quyết định toàn bộ nhân cách và vị thế tồn tại của Quỳnh, khiến cậu phải chịu thân phận của một kẻ lạc loài.

Bằng chứng

Hai vành tai to, mỗi khi Quỳnh có tâm trạng nó lại ve vẩy như cánh bướm, chiếc mũi to, đỏ ửng, lấm tấm mồ hôi

→ **Nhận xét:** Các lí lẽ và bằng chứng đưa ra đều giúp người đọc nhận ra nhân dạng khác lạ của Quỳnh và những hệ lụy mà cậu phải hứng chịu từ nhân dạng ấy. Bằng chứng được chọn lọc và trích dẫn theo lối gián tiếp.

Phân tích thái độ của các nhân vật khác đối với Quỳnh

Lí lẽ

- Trong mắt mọi người, Quỳnh chỉ là một thằng hề, để tiêu khiển, mua vui cho đám đông hồn nhiên, vô tâm.

- Chiếc bàn học chỉ có hai chỗ ngồi và khoảng trống ở giữa là một ngoại lệ. Ngoại lệ ấy có nguyên nhân từ sự dị thường trong ngoại hình của Quỳnh.

- Mọi người không nhận ra những phẩm chất tốt đẹp của Quỳnh, ngoại trừ Nga.

- Trong mắt bạn bè, những tình cảm của một con người bình thường nếu xuất hiện ở Quỳnh đều trở thành khác thường, kịch côm.

- Không ai tin được bên trong cái dung mạo dị thường của Quỳnh lại tồn tại những tình cảm của một con người bình thường.

Bằng chứng

	- Với Hạnh, cô lớp trưởng luôn đúng mực, người luôn đứng ra trấn áp những kẻ bày trò tai quái với Quỳnh thì giữa họ vẫn có một khoảng cách mệnh mông: “Bàn có hai người, nhưng mỗi người ngồi tít một đầu, chừa khoảng trống ở giữa”. - Nga nhận ra và chứng kiến những gì làm cho bạn bè, cho những đứa trẻ nghèo quanh nhà mình. - Tình cảm bạn bè của Quỳnh và Nga là đề tài cho mấy câu về quái ác của Luận. - Thái độ của Nga và những trích dẫn về thái độ, phản ứng và cảm giác của Nga trước tình cảm của Quỳnh. → Nhận xét: Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng đều giúp người đọc nhận ra thái độ của những người xung quanh đối với Quỳnh. Bằng chứng và lí lẽ được trình bày xen kẽ, tác giả đưa ra lí lẽ và lựa chọn bằng chứng tương ứng. Bằng chứng được trích dẫn theo cả hai cách trực tiếp và gián tiếp, vừa có bằng chứng trực tiếp từ tác phẩm, vừa có bằng chứng mở rộng bên ngoài tác phẩm (bằng chứng “Bàn có năm chỗ ngồi”) b. Luận điểm 2: Nhân dạng con người là một tạo tác mang tính văn hóa. * Quan điểm của tác giả về nhân dạng của con người Nhân dạng con người là một tạo tác mang tính văn hóa, được điều chỉnh bởi những quy chuẩn của nhân loại. - Các lí lẽ giúp làm sáng tỏ quan điểm: + Nhân dạng không phải chỉ là bề ngoài mà cũng được nhào nặn và xét đoán theo các chuẩn mực giá trị. + Nhân dạng là của riêng cá nhân nhưng lại được định giá bởi các chuẩn mực của cộng đồng. + Nhân dạng không chỉ thực hiện các chức năng sinh học mà còn được nhào trộn, định
--	--

	giá theo chuẩn mực, quy tắc thẩm mỹ của cộng đồng. + Nghiên cứu về nhân học cho thấy: trong bất kì xã hội nào, luôn tồn tại các quy chuẩn. Các quy chuẩn này đã gạt bỏ những gì lệch chuẩn. Từ đó, hình thành cặp nhị phân: bình thường và bất thường trong trí tuệ, giới tính, hành vi,... và cả nhân dạng. + Chuẩn mực có quyền lực và sức mạnh áp đặt, buộc cá nhân phải tuân thủ mà không có quyền phản biện. + Tiêu chuẩn về nhân dạng kì thực là một quyền lực loại trừ những gì thuộc về số ít, lệch chuẩn, dị thường. - Các bằng chứng giúp sáng tỏ quan điểm: + Trường hợp chú bé Quỳnh + Trường hợp trút bỏ lột ngoài kì dị của các nhân vật trong truyện cổ tích. * Lí giải của tác giả về cách ứng xử của chúng ta trước một nhân dạng đặc biệt: Do “chúng ta” có những tiêu chuẩn về nhân dạng, những “tiêu chuẩn” ấy là một “quyền lực” loại trừ những gì thuộc về “số ít”, “lệch chuẩn”, và “dị thường”. - Tác dụng của việc liên tưởng đến truyện cổ tích trong đoạn cuối: + Mở rộng bằng chứng (ngoài tác phẩm đang bàn luận). + Làm tăng sức thuyết phục cho vấn đề bàn luận. *Quan điểm của tác giả về những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi - Một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi cần nhận diện đầy đủ về những gì bị đặt ra ngoài chuẩn mực, hình dung về chúng như những tồn tại khác, đánh thức và nuôi dưỡng tình yêu thương, sự trân trọng với những tồn tại ấy. + Câu văn giúp nhận ra quan điểm của tác giả
--	---

	+ “<i>Trước tiên, chúng ta vẫn thường nghĩ, ... chuẩn mực ấy</i>”. + “<i>Chính từ đâythấu hiểu và tôn trọng.</i>” - Không nên biến nhân vật trong tác phẩm văn học thiếu nhi trở thành những tác nhân vật hoàn hảo. + Câu văn giúp nhận ra quan điểm của tác giả: “<i>Thứ hai, không nên biến những nhân vật trong các tác phẩm văn học thiếu nhi trở thành những nhân vật hoàn hảo</i>”. - Cần phải viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải + Câu văn giúp nhận ra quan điểm của tác giả: “<i>Cuối cùng, phải viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải.</i>” c. Luận điểm 3: Những phẩm chất cần có của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi. *Quan điểm “phải viết cho trẻ em từ cái nhìn của một người lớn sâu sắc và từng trải” - Viết từ góc nhìn của người lớn với chiều sâu trong tư duy và sự phong phú trong kinh nghiệm sống, trải nghiệm cảm xúc để viết cho thiếu nhi. - Tạo nên chiều sâu cho tác phẩm, sẽ tạo ra một thế giới mà “tuổi thơ được phát hiện lại, được trục vớt từ trong những hoài niệm, được chiếu sáng từ những thao thức về giá trị”. → một góc độ tiếp cận và kiến tạo thế giới tuổi thơ.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức hoạt động nhóm bàn	3. Nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả - Cách đặt vấn đề sắc sảo: lựa chọn một tác phẩm cụ thể (<i>Thằng quỷ nhỏ</i>) – tác phẩm chứa đựng cái nhìn, góc độ tiếp cận mới mẻ và đầy nhân văn về một “tồn tại khác”, từ đó đặt vấn đề về phẩm chất của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi.

 Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS lắng nghe, thảo luận và hoàn thành PHT - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá	- Tổ chức luận điểm: Văn bản được tổ chức thành ba luận điểm, có sự kết nối lô-gic, chặt chẽ. + Trong phần đầu, tác giả phân tích trường hợp tác phẩm “Thằng quỷ nhỏ”. + Phần (2) mở rộng lí giải về “tồn tại khác” dưới góc nhìn của các khoa học liên ngành: nhân học, văn hóa học, sau đó soi chiếu trở lại vào “tồn tại khác” trong văn học. + Phần (3) vừa khái quát vấn đề, vừa nêu lên các đề xuất có tính kết nối với thực tiễn sáng tác văn học viết cho thiếu nhi. - Cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng: Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng đều hướng đến làm sáng tỏ ý kiến, luận điểm của tác giả. Lí lẽ của tác giả có xu hướng đối thoại với các quan điểm truyền thống, vừa diễn giải, vừa lí giải để độc giả hiểu được vấn đề nghị luận. Bằng chứng được lựa chọn phù hợp, sử dụng nhiều cách đưa bằng chứng khác nhau khiến bài viết thêm phong phú. - Ngôn ngữ diễn đạt: trong sáng, khúc chiết.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi dẫn: GV yêu cầu HS khái quát lại nội dung và nghệ thuật của bài Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Cách đặt vấn đề sắc sảo - Tổ chức luận điểm lô-gic, chặt chẽ - Sử dụng lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục - Ngôn ngữ diễn đạt trong sáng, khúc chiết. 2. Nội dung Văn bản <i>Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh</i> nghị về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi nêu lên những suy nghĩ, quan điểm của tác giả về những phẩm chất cần có của người viết truyện cho thiếu nhi thông qua việc phân tích tác phẩm của Nguyễn Nhật Ánh.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức trò chơi BÍ MẬT TRÊN CÁNH HOA

Câu 1: Theo người viết, *Thằng quỷ nhỏ* có những đặc điểm gì?

- A. Hàm chứa những thông điệp sâu sắc.
- B. Gợi mở nhiều suy ngẫm về lứa tuổi học trò.
- C. Hàm chứa những thông điệp sâu sắc và gợi mở nhiều suy ngẫm về phẩm chất của một tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi.
- D. Mở ra những cảm hứng mới cho văn học thiếu nhi.

Câu 2: Theo người viết, chữ “quỷ” mà Nguyễn Nhật Ánh sử dụng trong nhan đề có ý nghĩa gì?

- A. Đề chỉ về tính cách kì lạ của nhân vật.
- B. Đề chỉ sự kì dị trong nhân dạng.
- C. Đề mô tả sự kì bí, quái dị của câu chuyện.
- D. Đề mô tả sự kì quái của không gian diễn ra câu chuyện.

Câu 3: Đây là những nét kì dị gắn trên gương mặt Quỳnh và trở thành dấu hiệu thường trực để nhận biết nhân vật?

- A. Hai vành tai to, có tâm trạng lại ve vẩy như cánh bướm.
- B. Hai vành tai to, có tâm trạng lại ve vẩy như cánh bướm, chiếc mũi to, đỏ ửng, lấm tấm mồ hôi.
- C. Chiếc mũi to, đỏ ửng, lấm tấm mồ hôi.
- D. Hai vành tai nhỏ, có tâm trạng lại ve vẩy như cánh bướm, chiếc mũi dài, đỏ ửng, lấm tấm mồ hôi.

Câu 4: Đây là một trong những luận điểm chính trong bài viết?

- A. Nhân dạng là của riêng một cá nhân nhưng nó lại được định giá bởi cộng đồng.
- B. Mọi nông nổi của Quỳnh đều bắt nguồn từ ngoại hình dị thường, lạc loài của chú bé ấy.
- C. Sự loạc loài, cái khoảng cách ấy đã che khuất tất cả tồn tại đích thực của Quỳnh. Một tác phẩm văn học thiếu nhi phải góp phần hình thành những chuẩn mực văn hóa của một cộng đồng trong tâm hồn trẻ thơ.

Câu 5: Nhận xét về cách lấy dẫn chứng để khẳng định lí lẽ, quan điểm của tác giả

- A. Tác giả trích dẫn dẫn chứng trực tiếp và gián tiếp, có sự chọn lọc, phù hợp với từng quan điểm, lí lẽ của bài viết.
- B. Chỉ sử dụng dẫn chứng trực tiếp, đa dạng, phong phú.
- C. Chỉ sử dụng dẫn chứng gián tiếp có sự điều chỉnh phù hợp với văn phong của bài viết.
- D. Sử dụng dẫn chứng đa dạng, phong phú, chỉ lấy từ truyện *Thằng quỷ nhỏ*.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức hoạt động Viết kết nối đọc: “Không nên biến những nhân vật trong các tác phẩm văn học thiếu nhi trở thành những nhân vật hoàn hảo.”

Trần Văn Toàn, Từ “*Thằng quỷ nhỏ*” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi). Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 7 – 9 câu chia sẻ suy nghĩ của em về ý kiến trên.

- Về nội dung: nêu được suy nghĩ của mình về ý kiến “Không nên biến những nhân vật trong tác phẩm văn học thiếu nhi trở thành những nhân vật hoàn hảo”. (Gợi ý: *Tìm một vài biểu hiện của sự không hoàn hảo trong các nhân vật thiếu nhi. Việc xây dựng những nhân vật hoàn hảo khiến tác phẩm có giới hạn gì? Việc xây dựng những nhân vật thiếu nhi không hoàn hảo có tác dụng gì?...*

- Về hình thức: đảm bảo số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn cần đúng ngữ pháp, có liên kết, mạch lạc và đúng chính tả.

Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....

TIẾT.47 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu

a. Về năng lực: Năng lực đặc thù

- HS biết cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.
- HS có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.
- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

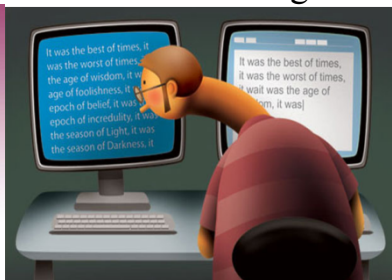
a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

- GV tổ chức hoạt động AI NHANH NHẤT

Từ gồm 6 chữ cái, là thuật ngữ văn học, chỉ hành vi sao chép lời nói, ý tưởng, quan điểm,... của người khác và coi nó như là của riêng mình



→ ĐẠO VĂN

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Có lẽ các em cũng đã gặp rất nhiều, rất nhiều những trường hợp copy, sao chép ý tưởng, bài viết..và đôi khi có thể là copy bài của các bạn trong giờ kiểm tra nhỉ? Đó là hành vi xấu. Vậy đạo văn là gì, biểu hiện như thế nào, làm sao để tránh hành vi đó. Buổi học ngày hôm nay, cô trò chúng ta cùng giải đáp những thắc mắc đó nha!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu kiến thức về cách trích dẫn tài liệu tham khảo để tránh đạo văn

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Vì sao khi viết, ta cần tham khảo tài liệu từ các nguồn khác nhau? Tài liệu tham khảo có thể được trích dẫn theo những cách nào? Khi trích dẫn tài liệu, cần lưu ý điều gì? - GV hướng dẫn HS phân tích ví dụ minh họa Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Hình thành kiến thức Một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu - Người viết cần nêu rõ tác giả được trích dẫn và xuất xứ của tài liệu, đồng thời truyền tải trung thực nội dung ý tưởng, thông tin được trích dẫn để thể hiện sự tôn trọng đối với công sức lao động của người khác và tránh đạo văn - Tài liệu tham khảo có thể được trích dẫn theo nhiều cách. Có thể chọn cách dẫn trực tiếp hoặc cách dẫn gián tiếp tùy vào mục đích của người viết. - Khi viết, ta thường tham khảo tài liệu từ các nguồn khác nhau để có thể tiếp cận vấn đề một cách toàn diện, sâu sắc hơn. Ví dụ: (1) Trong mắt mọi người, Quỳnh chỉ là một thằng hề, để tiêu khiển, để mua vui cho đám đông hồn nhiên, vô tâm: “Họ lấy anh làm trò tiêu khiển. Anh giúp họ giải buồn hoặc thỏa mãn tính hiếu kì hoặc lấp đầy những phút giây nhàn rỗi.” (Trần Văn Toàn, Từ “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh nghĩ về những phẩm chất của một tác phẩm viết cho thiếu nhi)
	→ Ở ví dụ trên, tác giả đã trích dẫn theo cách đặt những câu văn trích từ tác phẩm “Thằng quỷ nhỏ” của Nguyễn Nhật Ánh trong dấu ngoặc kép. Đó là dẫn trực tiếp. Ví dụ: (2) Trần Đình Sử quan niệm đọc văn chính là hành trình người đọc khám phá ý nghĩa thú vị bên trong tác phẩm văn chương, bởi theo ông, ý nghĩa của tác phẩm là điều có sức hấp dẫn lớn đối với độc giả (“Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa”) → Ở ví dụ trên, ý kiến của nhà nghiên cứu Trần Đình Sử được trích dẫn theo lối gián tiếp.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập về cách trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức Hoạt động nhóm Nhóm 1: Trích dẫn chuẩn (Bài tập 1) Nhóm 2: Thẩm định tham khảo (Bài tập 2) Nhóm 3: Trích dẫn và đạo văn (Bài tập 3) Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS thảo luận, báo cáo sản phẩm nhóm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	Bài tập 1 a. Cách trích dẫn thứ hai là đúng quy định vì tác giả đã tuân thủ các quy định về cách dẫn trực tiếp: đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép và ghi chú tên tác giả. b. Cách trích dẫn thứ nhất là đúng quy định vì tác giả đã tuân thủ các quy định về cách dẫn trực tiếp: đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép và ghi chú tên tác giả. Bài tập 2 a. Dấu hiệu cho thấy tác giả đã tuân thủ quy định khi tham khảo và trích dẫn tài liệu là đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép. b. Dấu hiệu cho thấy tác giả đã tuân thủ quy định khi tham khảo và trích dẫn tài liệu là ghi rõ nguồn của hai câu thơ: “Những cô hàng xén răng đen/Cười như mùa thu tỏa nắng (Trong bài thơ “Bên kia sông Đuống” của tác giả Hoàng Cầm) c. Dấu hiệu cho thấy tác giả đã tuân thủ quy định khi tham khảo và trích dẫn tài liệu là đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép, ghi rõ tên tác giả, tác phẩm trích dẫn trong dấu ngoặc đơn bên cạnh.
	Từ ba ví dụ trên, có thể rút ra bài học trong việc tham khảo và trích dẫn tài liệu: - Tùy vào mục đích viết và tính chất của văn bản, người viết có thể trích dẫn theo nhiều cách và nêu nguồn trích dẫn với các mức độ cụ thể khác nhau. - Nêu rõ tác giả và xuất xứ của nguồn tài liệu. - Truyền tải trung thực nội dung ý tưởng và thông tin được trích dẫn. Bài tập 3 Việc không dẫn nguồn tài liệu khi dùng lời hoặc ý của người khác bị coi là đạo văn. Điều này khác với việc trích dẫn theo cách gián tiếp, vì khi trích dẫn gián tiếp, phần dẫn không được đặt trong dấu ngoặc kép nhưng người viết vẫn nêu rõ tên tác giả và xuất xứ của phần trích dẫn.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức hoạt động THỂ RÚT KINH NGHIỆM: Trình bày kinh nghiệm của em

về việc sử dụng lời nói, ý tưởng, quan điểm,... của người khác khi viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

- + Sử dụng dấu ngoặc kép đối với các câu nói của tác giả
- + Sử dụng dấu ngoặc tròn để trích dẫn tên tác giả.
- + Trích dẫn chính xác câu nói, quan điểm, ý tưởng của tác giả.
- + Không thay đổi từ, vị trí bố cục một số câu nói của tác giả để biến thành của mình.
- + Không nên lắp ráp nhiều nội dung từ nhiều nguồn khác nhau thành bài viết hoàn chỉnh của mình
- + Trích dẫn thơ, văn bản,... cần sử dụng dấu ngoặc kép
- + Nên sử dụng trích dẫn trực tiếp trong khi viết văn để tránh bị đạo văn.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

TIẾT 48: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Qua bài kiểm tra giữa học kì I, rút ra được những ưu, khuyết điểm trong bài làm.

2. Kỹ năng

- Tự chữa những lỗi cơ bản mắc phải.
- Rút kinh nghiệm về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên); nhận ra các dạng đề thi.

3. Thái độ

- Ý thức trong tiết trả bài phát huy những ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm.

B. CHUẨN BỊ

- GV: bài kiểm tra của HS, đáp án, biểu điểm.
- HS: xem lại phương pháp làm bài văn bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: GV cho học sinh nhắc lại đề và xác định yêu cầu của đề bài: (10p)

Hoạt động 2: Xây dựng dàn ý và biểu chấm. (theo tiết 39,40: Kiểm tra giữa kì I) (15p)

Hoạt động 3: Nhận xét những ưu, khuyết điểm trong bài làm. (15 p)

Nhận xét ưu, khuyết điểm.

* Ưu điểm:

- Đa phần xác định được yêu cầu của đề bài, có học bài.
- Một số em xác định đúng kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)
- Có bố cục rõ ràng, hợp lý, bài viết có cảm xúc.
- Biết cách sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

* Nhược:

- + Chưa rút ra được bài học nhận thức sâu sắc qua bài đọc hiểu.
- Một số em chưa có sự đầu tư nên bài viết còn sơ sài.
- Bố cục các phần chưa hợp lý, nhất là phần mở bài và thân bài.
- Chưa xác định được yêu cầu đề: bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)
- Mắc nhiều lỗi chính tả:
- + Không viết hoa danh từ riêng
- + Viết tắt tùy tiện

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9

- + Nhiều bài diễn đạt lung củng.
- + Chưa rút được bài học sâu sắc

Hoạt động 4: Phát bài (10p)

- Yêu cầu lớp trưởng phát bài cho các bạn. HS trao đổi, nhận xét bài làm lẫn nhau.

Hoạt động 5: Chữa lỗi (20p)

- Yêu cầu những em viết sai lỗi chính tả lên viết lại một số từ theo yêu cầu của GV.
- + Lỗi dùng từ: Yêu cầu một số em dùng từ, đặt câu chưa chính xác lên bảng chữa lại.
- + Dấu câu:

-> Nhận xét, chốt lại những vấn đề cần lưu ý trong bài viết Tập làm văn.

Hoạt động 6: Đọc bài tiêu biểu ở 3 mức độ khác nhau: (15p)

- + Tuyên dương bài tốt.
- + Nhắc nhở động viên những em điểm yếu..

Hoạt động 7: Giải quyết khiếu nại. Ghi điểm vào sổ: (5p). **Hướng dẫn về nhà:**

- Về nhà xem lại bài đã làm một lần nữa, khắc phục những lỗi mắc phải để bài sau làm tốt hơn.
- Đọc và soạn văn bản: *Ngày xưa*.

Tiết 49 : Văn bản 3
Ngày xưa

- *Vũ Cao* -

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

- Ngày xưa là bài thơ trữ tình (VB văn học), không cùng loại với VB1, VB2. Điều đặc biệt là VB thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận khác nhau của các nhân vật về một tác phẩm- Truyện Kiều, vì thế nó kết nối với hai văn bản trước ở mạch chủ đề khám phá vẻ đẹp văn chương.

- Qua tìm hiểu VB, HS hiểu sâu sắc hơn về vẻ đẹp của Truyện Kiều, sức sống của Truyện Kiều trong lòng mai hậu, hiểu được có nhiều con đường để khám phá vẻ đẹp văn chương, có thể bằng những bài bình luận, phân tích, nhưng cũng có thể bằng những sáng tác nghệ thuật mang tính hình tượng.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng sáng tạo nghệ thuật của nhà văn

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Hình ảnh, phiếu học tập, trò chơi liên quan đến nội dung bài học. **Tiến trình dạy học**

Hoạt động 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

b. **Nội dung:** GV tổ chức hoạt động gợi dẫn bằng hoạt động

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

GV cho HS nghe một video ngâm khúc Truyện Kiều và dẫn vào bài

→ **GV dẫn dắt vào bài học:** Hàng trăm năm qua, “Truyện Kiều” luôn là đại thi phẩm được mọi người dân Việt Nam biết đến, trở nên quen thuộc như giếng nước, bờ ao, lũy tre quanh nhà. Mê Kiều, say Kiều, người dân nước Việt sáng tạo ra nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa phong phú và độc đáo như ngâm Kiều, vịnh Kiều, lấy Kiều, đố Kiều, dẫn Kiều, ru Kiều, bói Kiều, nhại Kiều... Từ một tác phẩm văn chương, “Truyện Kiều” đi vào đời sống bằng nhiều hình thức, trở thành “bộ phận không thể tách rời trong đời sống tâm hồn dân tộc Việt Nam nói chung và đời sống văn học nói riêng. Lấy cảm hứng từ “Truyện Kiều”, Vũ Cao đã sáng tác bài thơ **Ngày xưa**. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu kiến thức về những nét hay và đặc sắc của tác phẩm này nhé!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Phần I. Đọc- Tìm hiểu chung

a. **Mục tiêu:** Đọc văn bản và nắm được thông tin cơ bản về tác phẩm

b. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

GV: ĐINH THỊ THU HƯƠNG

TRƯỜNG THCS YÊN NHÂN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV gọi HS đọc văn bản và giải nghĩa 1 số từ khó GV đặt câu hỏi gợi dẫn: + Em hãy trình bày hiểu biết của em về tác giả Vũ Cao + Tác phẩm được xuất xứ từ đâu? + Xác định thể loại và PTBD chính của văn bản. GV cho HS xem video tóm tắt tác phẩm Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Đọc - Đọc to, rõ ràng - Giọng trữ tình, nhẹ nhàng, có thể thay đổi giọng đọc ở các câu thơ thể hiện lời của nhân vật để tạo điểm nhấn. 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả - Vũ Cao (1922 – 2007) - Quê Nam Định - Từng tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. - Thường viết về đề tài kháng chiến và những tình cảm cách mạng, ngôn ngữ và hình ảnh thơ trẻ trung, tươi mới và giàu cảm xúc.
- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung	- Tác phẩm tiêu biểu: <i>Núi đôi</i> (thơ, 1956), <i>Đèo trúc</i> (thơ, 1973), <i>Từ một trận địa</i> (truyện ngắn, 1973),... b. Tác phẩm - Xuất xứ: <i>Thơ với tuổi thơ</i>, Vũ Cao, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2001 - Thể thơ: Thơ lục bát - PTBD chính: Biểu cảm

Phần II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được

- Mục đích bà hát ru cháu bằng những câu Kiều
- Những cách tiếp nhận “Truyện Kiều”
- Sức sống của “Truyện Kiều”
- Hình thức nghệ thuật của bài thơ

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức hoạt động TRÌNH BÀY MỘT PHÚT: Bà ru cháu bằng những câu Kiều, mặc dù cháu còn rất nhỏ, chưa thể hiểu được. Điều đó gợi cho em suy nghĩ gì? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá.	II. Khám phá văn bản 1. Mục đích bà hát ru cháu bằng những câu Kiều Bà ru cháu bằng những câu Kiều - Đưa cháu vào giấc ngủ → Giá trị về mặt giai điệu, nhạc tính của “Truyện Kiều” - Cách bà thương thức “Truyện Kiều”, đồng cảm với những điều được nói đến trong tác phẩm - Giải bày một nét tâm trạng nào đó của mình.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS hoàn thành PHT cá nhân	2. Những cách tiếp nhận “Truyện Kiều” - Đối với “mẹ tôi” + “Truyện Kiều” khơi gợi niềm đồng cảm, xót thương
 Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS lắng nghe, hoàn thành phiếu học tập - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá.	+ “Truyện Kiều” có thể đưa em bé vào giấc ngủ. - Đối với “tôi” “Truyện Kiều” vô cùng sâu sắc. Những câu thơ trong “Truyện Kiều” đã có từ xưa, có một khoảng cách rất xa so với đứa trẻ, nên trẻ con không thể hiểu được. - Đối với em bé Tiếp nhận một cách vô thức giai điệu của “Truyện Kiều”. → Có ba người tiếp nhận, ba thế hệ với những trải nghiệm khác nhau về “Truyện Kiều”

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì về sức sống của “Truyện Kiều” trong lòng người dân Việt Nam? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá	3. Sức sống của “Truyện Kiều” - “Truyện Kiều” đã đi vào đời sống của người dân Việt Nam thông qua nhiều hoạt động phong phú, trong đó có việc hát ru. - “Truyện Kiều” vừa mang lại cho trẻ những giai điệu êm đềm, vừa giúp trẻ thấm thấu được ngôn từ một cách tự nhiên. - “Truyện Kiều” đã trở thành một phần máu thịt trong đời sống tinh thần của bà – một người có nhiều trải nghiệm về cuộc sống. → Sức sống của tác phẩm mãi trường tồn theo thời gian.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức hoạt động THINK – PAIR – SHARE: Em có nhận xét gì về hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, ngôn từ, hình ảnh, cách tổ chức, sắp xếp ý thơ,...) Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ HS tiếp nhận nhiệm vụ	4. Hình thức nghệ thuật của bài thơ - Thể thơ: lục bát, có yếu tố tự sự → ít nhiều có sự đồng vọng, bắt nối với “Truyện Kiều” về mặt âm hưởng. - Cách tổ chức của bài thơ: Đan xen những câu “kể”, “dẫn dắt” của người con và những câu “Kiều” được trích nguyên vẹn cùng với câu trả lời của người mẹ,
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá	đồng thời còn xuất hiện một đối tượng khác, một người tiếp nhận lặng lẽ - đứa cháu.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi dẫn: GV yêu cầu HS khái quát lại nội dung và nghệ thuật của bài Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thể thơ lục bát dân tộc - Ngôn ngữ: Giản dị, mộc mạc, gần gũi với lời ăn tiếng nói của người dân Việt Nam. - Hình ảnh: Sinh động, gợi cảm, thể hiện tình cảm yêu thương, triu mến của bà dành cho cháu. - Giọng điệu: âm áp, nhẹ nhàng, như lời ru

- HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	ngọt ngào của bà. 2. Nội dung Khắc định về sức sống mãnh liệt của “Truyện Kiều”, được thể hiện qua lời hát ru của bà.
--	---

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Tổ chức thực hiện:

- **GV nêu yêu cầu:** Chủ đề bài 4 là “Khám phá vẻ đẹp văn chương”. Văn bản 3 có điểm gì khác biệt về cách khám phá vẻ đẹp văn chương so với văn bản 1, 2?
- Văn bản 1,2 là hai văn bản nghị luận giúp người đọc hiểu được con đường, cách thức khám phá vẻ đẹp văn chương của nhà nghiên cứu, phê bình văn học.
- Văn bản 3 là một bài thơ kết nối về chủ đề cho thấy một tác phẩm văn chương có thể được tiếp nhận khác nhau bởi những đối tượng có hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm khác nhau.
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức. **Tổ chức thực hiện:**

GV cho HS xem video và nêu nhiệm vụ: Tìm hiểu và chia sẻ những cách tiếp nhận “Truyện Kiều” qua các hình thức khác. (Bói Kiều, Tập Kiều, Lầy Kiều, Đồ Kiều, Nhại Kiều, Vịnh Kiều)

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Tiết 50,51.52: VIẾT

Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực:

a. Năng lực đặc thù

- Phân tích được nội dung chủ đề của tác phẩm
- Phân tích được những đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm, tập trung vào một hình thức nghệ thuật nổi bật.

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

2. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.
- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành

nhiệm vụ.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- SGK, SGV
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

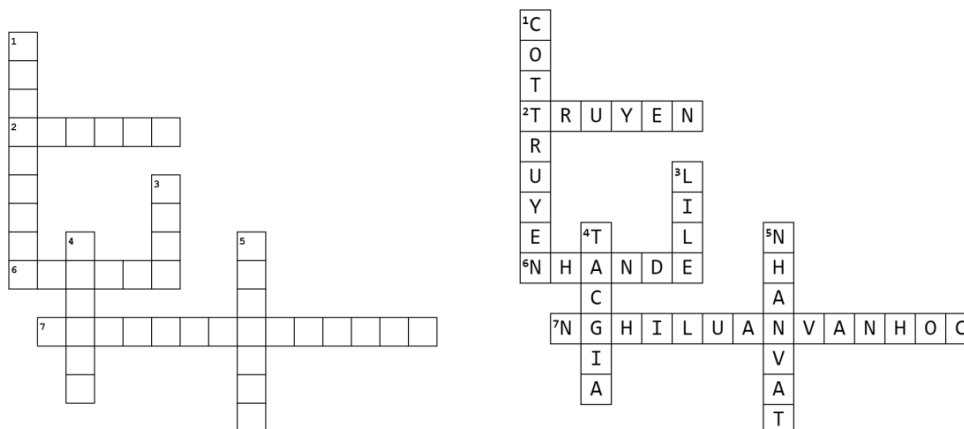
- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập...)

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động
a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức hoạt động Ô CHỮ BÍ MẬT



Across (Hàng ngang)

2. Đây là một loại tác phẩm văn học, sử dụng phương thức kể chuyện, bao gồm các yếu tố chính như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật,...

6. Tên nói lên nội dung chính của một tác phẩm.

7. "Thể hiện một quan niệm, góc nhìn, một ý kiến của người viết/người nói về vấn đề thuộc lĩnh vực văn học nhằm thuyết phục người đọc/người nghe" là mục đích của loại văn bản nào?

Down (Hàng dọc)

1. Thuật ngữ chỉ yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định.

3. Những lời diễn giải có lí mà người viết/người nói đưa ra làm căn cứ khẳng định ý kiến của mình được gọi là gì?

4. Người sáng tạo ra các tác phẩm viết như sách, kịch, thơ, bài hát,... gọi là gì?

5. Người, con vật, đồ vật,... được miêu tả, thể hiện trong tác phẩm văn học được gọi là gì?

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Các từ khoá đó chính là nội dung cốt lõi khi chúng ta phân tích một tác phẩm văn học (truyện), cụ thể như thế nào, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay nhé!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Yêu cầu đối với kiểu bài

a. **Mục tiêu:** Hiểu được yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

b. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức hoạt động TỪ KHOÁ CHO AI? - GV cho HS 2 phút đọc lại Yêu cầu khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện) - GV đọc to những từ đầu tiên của yêu cầu (giới thiệu, làm rõ, phân tích, triển khai, khẳng định), HS được gọi phải hoàn thiện yêu cầu có chứa từ đó. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động - GV mời HS trả lời câu hỏi, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	I. Yêu cầu về kiểu bài - Giới thiệu khái quát tác phẩm truyện cần phân tích (nhân đề, tác giả, thể loại), nêu nhận xét chung của người viết về tác phẩm. - Làm rõ được nội dung chủ đề tác phẩm. - Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ, bằng chứng xác đáng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết. - Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện (cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật kể chuyện, không gian và thời gian, ngôn ngữ người kể chuyện, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại của nhân vật,...), tập trung vào những yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm.

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. **Mục tiêu:** Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo *Văn bản: “Nốt nhạc trầm trên đỉnh non cao”*

b. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV áp dụng KỸ THUẬT CHUYỂN HÀNG Chuẩn bị: GV : + In 3 tờ đề một mặt. Mỗi tờ là các câu hỏi trắc nghiệm.	II. Phân tích bài viết tham khảo Văn bản: “Nốt nhạc trầm trên đỉnh non cao”

1. Mở bài của bài viết được triển khai ở đoạn mấy? A. Đoạn 1 B. Đoạn 1,2 C. Đoạn 2 D. Đoạn 2,3 2. Trong phần mở bài, bài viết tham khảo đã giới thiệu điều gì? A. Giới thiệu và nêu nhận xét khái quát về tác phẩm B. Giới thiệu tác phẩm C. Nêu nhận xét khái quát về tác phẩm D. Nêu nhận xét về tác giả, nội dung, nghệ thuật 3. Đoạn nào trong bài viết tham khảo phân tích nội dung chủ đề của truyện “Lặng lẽ Sapa” A. Đoạn 2,3 B. Đoạn 3,4 C. Đoạn 5,6 D. Cả A,B,C đều đúng 4. Nội dung, chủ đề của truyện “Lặng lẽ Sapa” là gì? A. Sự cống hiến của người dân Sapa B. Sự cống hiến, hi sinh lặng thầm của những con người lao động bình dị C. Sự nhiệt tình, nhiệt huyết trong công việc D. Những khó khăn, gian khổ trong công việc 5. Yếu tố đặc sắc về hình thức nghệ thuật của truyện được phân tích ở đoạn mấy? A. Đoạn 5 B. Đoạn 6 C. Đoạn 7 D. Đoạn 8 6. Các hình thức yếu tố nghệ thuật nào được lựa chọn khai thác trong bài viết tham khảo?	
--	--

A. Nghệ thuật kể chuyện độc đáo, sáng tạo tình huống bất ngờ, B. Nghệ thuật tạo dựng không khí truyện, C. Ngôn ngữ tinh tế, đầy chất trữ tình, dụng ý trong cách không đặt tên nhân vật D. Cả A,B,C đều đúng 7. Cách tổ chức luận điểm trong bài viết tham khảo được trình bày như thế nào? A. Rõ ràng, đầy đủ B. Linh hoạt, chi tiết C. Sáng tạo, tinh tế D. Cả A,B,C đều sai 8. Theo em, có thể tổ chức triển khai luận điểm trong bài viết tham khảo theo 1 cách khác được không? A. Không B. Có 9. Trong bài viết tham khảo, tác giả đã sử dụng lí lẽ rất chặt chẽ, mạch lạc, bằng chứng tiêu biểu, bám sát lí lẽ và chủ đề bài viết, đúng hay sai? A. Đúng B. Sai 10. Phần kết bài được triển khai ở đoạn mấy? A. Đoạn 5 B. Đoạn 6 C. Đoạn 7 D. Đoạn 8 11. Phần kết bài có vai trò gì trong bài viết? A. Khẳng định nghệ thuật độc đáo của tác phẩm B. Khẳng định giá trị và ý nghĩa của tác phẩm C. Giới thiệu ý nghĩa của tác phẩm D. Giới thiệu luận điểm, lí lẽ, bằng chứng + Cắt rời từng câu hỏi ra.	
--	--

+ Vẽ sơ đồ và hướng dẫn HS chuyển câu hỏi theo sơ đồ. (Lưu ý để chuyển không lỗi thì cần cho HS biết được mình nhận bài từ và chuyển cho bạn nào) + Chuẩn bị đáp án HS: + Vẽ bảng điểm như hình bên dưới (câu, đáp án, đúng, sai, người chấm) + Quan sát sơ đồ để biết cách "chuyển hàng" Tiến hành: - Phát mỗi tổ 1 đề sao cho mỗi bạn cầm trên tay một câu hỏi. - HS có 30 giây để trả lời câu hỏi vào bảng đáp án. - Nếu chưa làm xong mà nghe hiệu lệnh hết giờ cũng phải chuyển cho bạn. - Lưu ý : HS Không ghi đáp án lên câu hỏi. Chấm bài: Cô chốt đáp án trên màn hình. Hs chuyển bảng đáp án chấm tương tự như cách chuyển làm bài. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - HS tham gia và hoàn thành nhiệm vụ - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	
---	--

2.3. Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.
- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đưa ra câu hỏi gợi mở: + Theo em, để viết tốt 1 bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện) gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước. - GV hướng dẫn học sinh các bước tiến hành viết một bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện) - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức	III. Thực hành viết theo các bước 1. Trước khi viết a. Lựa chọn đề tài - Lựa chọn tác phẩm phân tích. - Xác định vấn đề phân tích (có thể phân tích toàn bộ tác phẩm, hoặc chỉ lựa chọn một đoạn trích, một khía cạnh tiêu biểu) b. Tìm ý Ví dụ: Viết bài văn nghị luận một tác phẩm truyện (truyện truyền kì, truyện thơ Nôm, truyện hiện đại). Để tìm ý cho bài văn phân tích một tác phẩm truyện, em cần đặt ra và trả lời các câu hỏi như: - Nội dung chủ đề của tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là gì? Có thể phân tích chủ đề ấy như thế nào? - Tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có những nét đặc sắc gì về nghệ thuật? Những nét đặc sắc đó đem đến hiệu quả thẩm mĩ như thế nào? - Tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có giá trị, ý nghĩa gì? c. Lập dàn ý - Mở bài: Giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả, thể loại) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. - Thân bài: + Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm truyện (phân tích hiện thực đời sống; hình tượng con người; tư tưởng, tình cảm của nhà văn...), có lí lẽ và bằng chứng. + Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (cốt truyện, ngôi kể, tình huống, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, không

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

	gian, thời gian,...) và hiệu quả thẩm mỹ của nó, có lí lẽ và bằng chứng. - Kết bài: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện. Bước 2: Viết bài - Triển khai bài viết trên cơ sở dàn ý đã lập. Tuy vậy, nội dung bài viết có thể có thay đổi so với dàn ý nếu cần thiết. - Chú ý đảm bảo yêu cầu của kiểu bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học, bám sát đặc trưng thể loại truyện: + Tổ chức hệ thống luận điểm hợp lí, mỗi luận điểm cần được phân tích, chứng minh bằng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, tránh kể lại văn bản. + Tập trung vào những nét nổi bật của tác phẩm, tạo điểm nhấn cho bài viết. Bước 3: Chỉnh sửa bài viết - Ghi lại những điều cần lưu ý về cách viết kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
--	---

Bảng kiểm Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học			
Tiêu chí	Tốt	Chưa đạt	
Mở bài	Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả		
	Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm (về nội dung, hình thức nghệ thuật) nổi bật		
	Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm		
Thân bài	Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các mặt và khía cạnh nội dung chủ đề		
	Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật		
	Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm		

Bảng kiểm Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học			
Tiêu chí	Tốt	Chưa đạt	
Kết bài	Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm		
	Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm		
	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ và đặt câu		
Diễn đạt	Cách mở bài lôi cuốn, hấp dẫn		
	Cách kết bài đặc sắc, ấn tượng		
	Sử dụng hình thức lập luận kết để tạo sự mạch lạc cho bài viết		
	Đặt tên cho các phương tiện trực quan và trích dẫn nguồn (nếu có)		
	Đúng đặt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.		

Hoạt động 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học.

b. **Tổ chức thực hiện:**

GV tổ chức hoạt động nhóm THIẾT LẬP DÀN Ý

+ Gv chia lớp thành 4 nhóm

+ **Hoàn thiện dàn ý cho đề bài:** Phân tích truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* – Lê Minh Khuê

* **Mở bài:**

- Giới thiệu truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê
- Khái quát về tác phẩm: một truyện ngắn thành công trong việc khắc họa hình ảnh những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

* **Thân bài:**

- **Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm:**

+ **Cuộc sống** gian khổ, công việc nguy hiểm của ba cô gái ở trọng điểm trên tuyến đường (bằng chứng: ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, quan sát địch ném bom, đánh dấu bom chưa nổ, phá bom,...).

+ **Nét riêng** của ba cô gái (bằng chứng).

+ Về đẹp **phẩm chất, tâm hồn** của ba cô gái: gan dạ, dũng cảm, không sợ hi sinh, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ,... (bằng chứng: thể hiện trong một lần phá bom).

- **Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm:**

+ **Kể chuyện theo ngôi thứ nhất** (Phương Định - “tôi”) giúp cho nhân vật dễ dàng bộc lộ suy nghĩ, tâm trạng, cảm xúc.

+ Xây dựng **nhân vật** qua diễn biến tâm lí, hành động, lời nói, suy nghĩ,... (bằng chứng: nhân vật Phương Định).

+ Xây dựng **tình huống truyện** mang tính thử thách, nguy hiểm để nhân vật bộc lộ vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn (bằng chứng: tình huống phá bom).

+ **Ngôn ngữ và nhịp điệu kể chuyện** phù hợp với không khí khẩn trương của chiến trường (bằng chứng: các câu văn ngắn, nhịp nhanh trong truyện,...).

* **Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. **Tổ chức thực hiện:**

1. GV yêu cầu HS đánh giá dàn ý của bạn dựa trên mẫu

phiếu đánh giá (trên lớp) Cá nhân chuyển từ dàn ý thành

bài viết cụ thể (về nhà) Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....

TIẾT 53 NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi
(Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn)

I. **Mục tiêu**

1. Về năng lực

a. Năng lực đặc thù

- HS nắm được đề tài thảo luận: Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn
- HS biết cách tham gia thảo luận

b. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.
- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

2. Về phẩm chất

- Kỉ luật, biết lắng nghe
- Chăm chỉ: chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học

- Kế hoạch bài dạy
- Sách giáo khoa, Sách giáo viên
- Máy chiếu, máy tính

2. Học liệu

- Một số hình ảnh, biên bản liên quan đến nội dung bài học.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động**Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

a. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS nhắc lại Một số nguyên tắc thảo luận hiệu quả

- Các thành viên tham gia thảo luận cần tuân thủ sự điều hành của người chủ trì
- Thống nhất mục tiêu chung của nhóm
- Duy trì giao tiếp liên tục, tin tưởng, sẵn sàng hỗ trợ nhau : các thành viên lần lượt đưa ra ý kiến, tuy nhiên, cần ngắn gọn, rõ ràng, không lặp lại các ý người khác đã trình bày mà cần có sự tiếp nối, phát triển những ý đó một cách hợp lý
- Lắng nghe, thấu hiểu, tôn trọng ý kiến cá nhân: người nghe cần lắng nghe với thái độ tôn trọng, không ngắt lời người nói.
- Gắn kết các thành viên trong nhóm và tránh tiêu cực
- ***GV dẫn vào bài học:** Cô muốn cả lớp nhắc lại một số quy tắc thảo luận hiệu quả vì trong buổi học ngày hôm nay, chúng ta sẽ một lần nữa thực hiện nội dung thảo luận. Đó cũng là một số yếu tố khẳng định sự thành công của một tiết học Nói và nghe. Cô mời cả lớp cùng vào bài học ngày hôm nay!*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Trước khi thảo luận

a. Mục tiêu: HS nắm được cách xây dựng bài thảo luận đạt yêu cầu.

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Để bài thảo luận đạt hiệu quả, ở bước TRƯỚC KHI THẢO LUẬN	I. Trước khi thảo luận - Lập nhóm, phân công người chủ trì, thư kí - Lựa chọn quy mô và thời gian thảo luận

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

chúng ta cần chuẩn bị những nội dung gì, thông tin gì? Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu	- Chuẩn bị tốt nội dung thảo luận: Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn
trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	

2.2. Thảo luận

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi thảo luận

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Bài thảo luận được triển khai theo mấy phần? Đó là những phần nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	II. Thảo luận - Mở đầu: Người chủ trì nêu vấn đề thảo luận đã được thống nhất ở phần chuẩn bị. - Triển khai: + Mỗi thành viên phát biểu ý kiến dưới sự điều hành, kết nối của người chủ trì. + Người chủ trì nhắc nhở nếu người tham gia thảo luận phát biểu quá thời gian quy định. + Những thành viên khác lắng nghe và trao đổi. Khi thảo luận, người nói và người nghe cần chú ý: Người nói - Đưa ra ý kiến thảo luận đúng chủ đề, bám sát mạch thảo luận, tránh nói lạc đề, xa đề, thiếu kết nối với các ý kiến thảo luận trước đó. - Các ý kiến được làm sáng tỏ bởi lí lẽ và bằng chứng xác đáng. - Trình bày rõ ràng, mạch lạc; kết hợp giữa lời nói, cử chỉ, điệu bộ và các phương tiện hỗ trợ (nếu có).

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

	- Đảm bảo thời gian theo quy định. Người nghe - Lắng nghe với tinh thần tôn trọng người nói; ghi chép các nội dung chính trong ý kiến phát biểu của mỗi thành viên tham gia thảo luận và những chỗ cần trao đổi với người nói.
	- Ý kiến trao đổi cần rõ ràng, ngắn gọn; có thể đặt ra các câu hỏi để người nói giải đáp. - Kết thúc: Người chủ trì tổng kết các nội dung chính đã thảo luận; khẳng định ý nghĩa của việc thảo luận về vấn đề: <i>Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn?</i>; cảm ơn sự đóng góp của các thành viên tham gia.

2.3. Sau khi thảo luận

a. Mục tiêu: Biết nhận xét, đánh giá về bài thảo luận của bạn.

b. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM																																				
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đánh giá bài thảo luận theo mẫu bảng kiểm - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	III. Sau khi nói Bảng kiểm đánh giá nội dung cuộc thảo luận <table><tr><th>Đánh giá nội dung cuộc thảo luận</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr><tr><td>Thảo luận đúng chủ đề</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Các ý kiến thảo luận tập trung, không tản mạn.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Tìm ra được phương pháp, cách thức học tập môn Ngữ văn hiệu quả.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đánh giá cách tổ chức, điều hành cuộc thảo luận</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Xây dựng được tinh thần dân chủ, tôn trọng ý kiến khác biệt.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Những người tham gia thảo luận thực hiện đúng vai trò của mình.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Thực hiện đúng tiến trình buổi thảo luận.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đánh giá cách sử dụng ngôn ngữ, các phương tiện hỗ trợ khi thảo luận</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Sử dụng ngôn ngữ nói</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Sử dụng ngôn ngữ cơ thể</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Sử dụng các phương tiện hỗ trợ</td><td></td><td></td></tr></table>	Đánh giá nội dung cuộc thảo luận	Đạt	Chưa đạt	Thảo luận đúng chủ đề			Các ý kiến thảo luận tập trung, không tản mạn.			Tìm ra được phương pháp, cách thức học tập môn Ngữ văn hiệu quả.			Đánh giá cách tổ chức, điều hành cuộc thảo luận			Xây dựng được tinh thần dân chủ, tôn trọng ý kiến khác biệt.			Những người tham gia thảo luận thực hiện đúng vai trò của mình.			Thực hiện đúng tiến trình buổi thảo luận.			Đánh giá cách sử dụng ngôn ngữ, các phương tiện hỗ trợ khi thảo luận			Sử dụng ngôn ngữ nói			Sử dụng ngôn ngữ cơ thể			Sử dụng các phương tiện hỗ trợ		
Đánh giá nội dung cuộc thảo luận	Đạt	Chưa đạt																																			
Thảo luận đúng chủ đề																																					
Các ý kiến thảo luận tập trung, không tản mạn.																																					
Tìm ra được phương pháp, cách thức học tập môn Ngữ văn hiệu quả.																																					
Đánh giá cách tổ chức, điều hành cuộc thảo luận																																					
Xây dựng được tinh thần dân chủ, tôn trọng ý kiến khác biệt.																																					
Những người tham gia thảo luận thực hiện đúng vai trò của mình.																																					
Thực hiện đúng tiến trình buổi thảo luận.																																					
Đánh giá cách sử dụng ngôn ngữ, các phương tiện hỗ trợ khi thảo luận																																					
Sử dụng ngôn ngữ nói																																					
Sử dụng ngôn ngữ cơ thể																																					
Sử dụng các phương tiện hỗ trợ																																					

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện bài thảo luận trên lớp.

b. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức hoạt động nhóm:

+ Chia lớp thành 3 nhóm

+ Nội dung thảo luận: **Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn**

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9

- + **Thư kí:** Ghi chép những nội dung, ý kiến trong cuộc thảo luận (phiếu số 1)
- + **Cá nhân trong từng nhóm:** Hoàn thành PHT số 2+ **Tập thể nhóm:** Lựa chọn những ý kiến hay, phù hợp → điền vào phiếu số 3

BIÊN BẢN CHO THƯ KÍ	PHIẾU CÁ NHÂN	PHIẾU TỔNG KẾT																
Giáo viên:..... Người chủ trì:..... Thư kí:..... Vấn đề: Làm thế nào để học tốt môn Ngữ văn Ý kiến của các thành viên: + Tên: Ý kiến:..... + Tên: Ý kiến:..... + Tên: Ý kiến:..... Ý kiến của người điều hành:..... Tổng kết của giáo viên:..... HỌ VÀ TÊN:..... LỚP:.....	Vấn đề thảo luận I. Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng của tôi <table border="1"><thead><tr><th>Ý kiến</th><th>Lí lẽ</th><th>Bằng chứng</th></tr></thead><tbody><tr><td></td><td></td><td></td></tr></tbody></table> II. Trao đổi với các ý kiến trái chiều (dự kiến) <table border="1"><thead><tr><th>Ý kiến trái chiều</th><th>Phản hồi của tôi</th></tr></thead><tbody><tr><td></td><td></td></tr></tbody></table> HỌ VÀ TÊN:..... NHÓM:.....	Ý kiến	Lí lẽ	Bằng chứng				Ý kiến trái chiều	Phản hồi của tôi			Tên các thành viên (nhiệm vụ từng thành viên) Vấn đề thảo luận <table border="1"><thead><tr><th>Ý kiến</th><th>Lí lẽ</th><th>Bằng chứng</th></tr></thead><tbody><tr><td></td><td></td><td></td></tr></tbody></table> Đánh giá, nhận xét của giáo viên HỌ VÀ TÊN:..... NHÓM:.....	Ý kiến	Lí lẽ	Bằng chứng			
Ý kiến	Lí lẽ	Bằng chứng																
Ý kiến trái chiều	Phản hồi của tôi																	
Ý kiến	Lí lẽ	Bằng chứng																

Hoạt động 4: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. **Tổ chức thực hiện:**

GV hướng dẫn HS đánh giá bài thảo luận của các nhóm bạn

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

KÍ DUYỆT

NGƯỜI SOẠN